

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020.

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Cương.

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21-5-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 06-12-2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16-3-2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn XS, xã TG, huyện SS, Thành phố Hà Nội.

\* *Bị đơn:* Chị Vi Thị D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản GB, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Ngọc P trình bày:

Anh P và chị D có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội vào năm 2011. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì chị D bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, không về chung sống cùng bố con anh nữa. Anh và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị D vẫn không thay đổi. Vợ chồng anh P, chị D đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên P làm đơn xin ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh P có 01 con chung là cháu Lê Trà M, sinh ngày 05-9-2012, hiện cháu đang ở với anh P. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Vi Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

\* Ý kiến của cháu Lê Trà M: Cháu ở với bố từ nhỏ, nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh P được ly hôn chị D. Về việc nuôi con: Giao cháu Lê Trà M cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh P xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với chị D, chị D có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Anh P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Từ năm 2014 thì chị D bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho chồng con, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, hôn nhân thực tế giữa anh P và chị D đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh P xin ly hôn chị D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về việc nuôi con: Cháu Lê Trà M ở với anh P từ năm 2014 đến nay, cháu có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cháu M cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu. Vấn đề cấp dưỡng anh P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: anh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Ngọc P được ly hôn chị Vi Thị D.

3. Về việc nuôi con: Giao cháu Lê Trà M, sinh ngày 05-9-2012 cho anh Lê Ngọc P được trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: anh Lê Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tiền án phí: Anh Lê Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh P đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004586 ngày 06-12-2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận anh P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội.
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Trang**